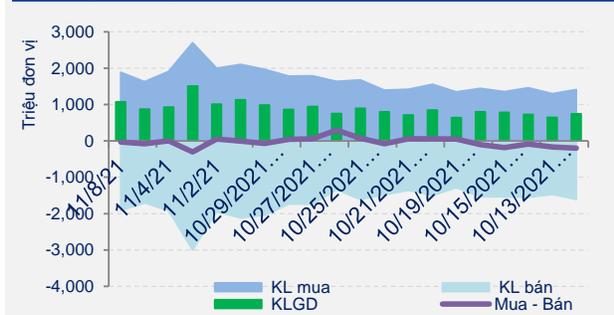


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/8/2021

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,467.57	432.10
% Thay đổi	↑ 0.76%	↑ 1.04%
KLGD (CP)	1,075,441,490	170,211,727
GTGD (tỷ đồng)	31,437.50	4,263.80
Tổng cung (CP)	1,914,442,900	223,855,600
Tổng cầu (CP)	1,886,550,500	211,029,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	43,593,700	772,000
KL mua (CP)	48,069,800	762,892
GT mua (tỷ đồng)	2,099.16	26.57
GT bán (tỷ đồng)	1,592.42	16.92
GT ròng (tỷ đồng)	506.75	9.65

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.25%	24.2	3.9	1.0%
Công nghiệp	↑ 2.08%	23.2	3.1	13.6%
Dầu khí	↑ 1.68%	19.6	2.0	1.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.54%	-	6.3	2.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.29%	17.7	2.6	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↑ 2.09%	23.0	4.2	12.1%
Ngân hàng	↑ 0.06%	11.6	2.3	17.6%
Nguyên vật liệu	↑ 0.84%	12.3	2.9	13.8%
Tài chính	↑ 0.76%	19.6	3.4	35.2%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.61%	17.4	3.1	2.1%
VN - Index	↑ 0.76%	17.2	3.0	
HNX - Index	↑ 1.04%	23.9	4.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm phiên thứ ba liên tiếp, thiết lập đỉnh cao mới với thanh khoản tăng mạnh. Cụ thể, VN-Index tăng 11,06 điểm (+0,76%) lên 1.467,57 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 288 mã tăng, 39 mã tham chiếu, 174 mã giảm. HNX-Index tăng 4,46 điểm (+1,04%) lên 432,10 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 164 mã tăng, 55 mã tham chiếu, 80 mã giảm. Thanh khoản trên hai sàn trong phiên hôm nay tăng đáng kể so với phiên trước đó với khối lượng 1.245 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị 35.701 tỷ đồng. VnIndex tăng điểm trong toàn bộ thời gian giao dịch, mặc dù đã có lúc áp lực bán lớn khiến chỉ số lùi về sát mốc tham chiếu, lực cầu bắt đáy mạnh mẽ đã khiến chỉ số bật tăng trở lại. Nhóm cổ phiếu chứng khoán tiếp tục thu hút được dòng tiền mạnh mẽ như SSI (+3,7%), HCM (+4,5%), VIX (+6,9), CTS (+6,9%), VND (+5,1%), SHS (+1,9%), MBS (+1,8%), VCI (+1,4%)... Nhóm cổ phiếu ngành đường ghi nhận phiên giao dịch tích cực với SBT (+6,9%), LSS (+5,3%), QNS (+5,2%), SLS (+4,7%). Bên cạnh đó, các cổ phiếu nhỏ với khối lượng giao dịch lớn cũng gây được sự chú ý như ROS (+6,9%), FLC (+5,2%), AMD (+6,8%), HAG (+7,0%), HNG (+7,0%), LDG (+6,6%), ITA (+4,9%)...

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index phiên đầu tuần mới kết phiên tăng điểm cùng với khối lượng giao dịch tăng 19,06% so với phiên trước. VNINDEX tiếp tục vượt đỉnh gần nhất 1.463,63 ngày 03/11/2021 là phiên có khối lượng giao dịch lập kỷ lục 1,455 triệu cổ phiếu. VN30 tiếp tục tăng điểm hướng đến vùng 1.545-1.565 vùng đỉnh tháng 07/2021.

Trên góc nhìn kỹ thuật, xu hướng ngắn hạn của VNINDEX vẫn duy trì tăng trưởng với vùng hỗ trợ gần nhất quanh mốc 1.463 điểm, tương ứng đỉnh giá ngày 03/11/2021 vừa vượt qua, hỗ trợ tiếp theo tại 1.445 điểm-1.450 điểm tương ứng vùng giá trung bình của cổ phiếu T+3 vẫn duy trì khả năng sinh lợi theo VNINDEX. Dự kiến VNINDEX sẽ tiếp tục tăng điểm hướng đến vùng cao mới quanh mốc 1.480 điểm-1.500 điểm. Nhà đầu tư đang có các cổ phiếu có xu hướng tăng trưởng tốt vẫn được khuyến nghị nắm giữ cho đến khi VNINDEX thay đổi xu hướng hoặc mất vùng hỗ trợ tăng trưởng 1.440-1.450 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm có thể tiếp tục mua thêm nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về quanh ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

11/8/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index tăng điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 1.470,49 điểm. Vào cuối phiên chiều, có lúc áp lực bán gia tăng khiến chỉ số lùi xuống sát ngưỡng tham chiếu. Kết phiên, VN-Index tăng 11,06 điểm (+0,76%) lên 1.467,57 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: MSN tăng 4.200 đồng, VNM tăng 1.600 đồng, VCB tăng 700 đồng. Ở chiều ngược lại, VPB giảm 400 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian giao dịch nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 433,95 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 4,46 điểm (+1,04%) lên 432,10 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: IDC tăng 7.800 đồng, PHP tăng 1.700 đồng, CEO tăng 1.200 đồng. Ở chiều ngược lại, KSF giảm 4.300 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

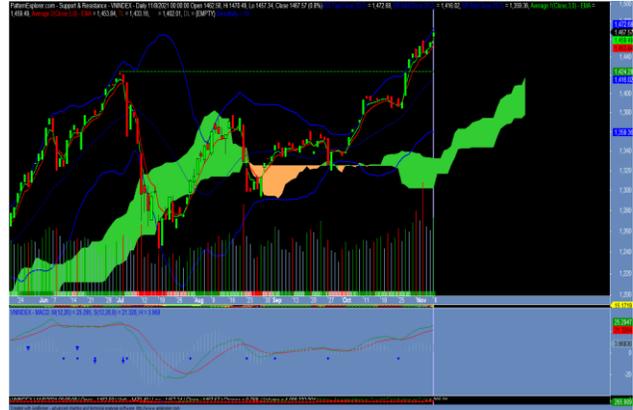
Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 507 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 4,5 triệu cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 168,8 tỷ đồng tương ứng với gần 3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VHM với 128,7 tỷ đồng tương ứng với 1,6 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SSI là mã chứng khoán được bị bán nhiều nhất với 234 tỷ đồng tương ứng với 5,3 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 9,6 tỷ đồng, tuy nhiên lại bán ròng nhẹ về khối lượng với 9 nghìn cổ phiếu. THD là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 6,6 tỷ đồng tương ứng với 28 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là APS với 4,6 tỷ đồng tương ứng với 102 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, IVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 3,7 tỷ đồng tương ứng với 230 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tiếp tục tăng điểm trong phiên đầu tuần và hiện đã vượt qua được đỉnh giá 1463,63 phiên 03/11/2021 và mốc tâm lý 1.450 điểm. Thanh khoản khớp lệnh tiếp tục duy trì ở mức cao cho thấy lực cầu mua lên là thực sự tốt và dòng tiền vẫn đang đổ vào thị trường.

Với việc chỉ số VN-Index đã vượt qua được vùng đỉnh cũ trong khoảng 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021) đồng thời cũng là đỉnh sóng tăng 5 theo lý thuyết Elliot trên biểu đồ ngày bắt đầu từ thời điểm tạo đáy quanh 650 điểm vào cuối tháng 3 đầu và tháng 4 năm 2020.

Do đó chúng ta sẽ phân tích sóng Elliot trên biểu đồ tuần với sóng 1 bắt đầu vào đầu năm 2009 ở quanh ngưỡng 240 điểm. Với góc nhìn xa hơn này thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

VN-Index hoàn toàn có thể khả năng hướng đến những mốc cao hơn mà gần nhất là ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm và xa hơn là target của sóng tăng 5 quanh 1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Tuy nhiên, trong quá trình đi lên, thị trường có thể phải chịu những rung lắc và điều chỉnh khi mà áp lực chốt lời gia tăng và ngưỡng hỗ trợ quanh 1.460 điểm sẽ là hỗ trợ gần nhất trong thời điểm hiện tại. Dự báo, trong phiên tiếp theo, VNIndex có thể tiếp tục rung lắc và tăng điểm để hướng đến những mức đỉnh cao mới với vùng giá mục tiêu gần nhất 1480-1500.



TIN TRONG NƯỚC

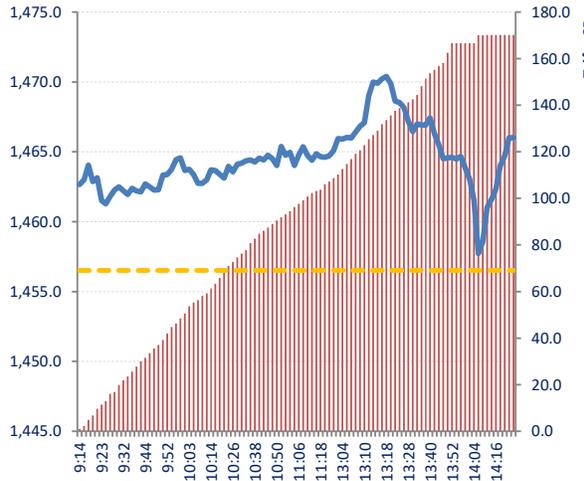
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 15h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 58,90 - 58,30 triệu đồng/lượng, tăng 250.000 đồng/lượng ở cả chiều mua vào và chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 10 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 08/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.123 VND/USD, giảm 10 đồng so với ngày 06/11.

TIN QUỐC TẾ

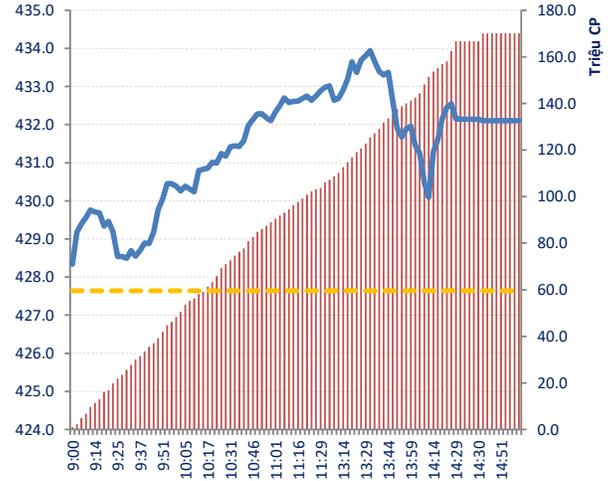
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới tăng 0,18 USD/ounce tương ứng với 0,01% lên 1.816,41 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 15 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,042 điểm tương ứng 0,04% xuống 94,278 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1556 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3465 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 113,52 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 2,46 USD/thùng tương ứng với 3,03% lên 81,27 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Sáu, chỉ số Dow Jones tăng 203,72 điểm (tương đương gần 0,6%) lên 36.327,95 điểm. Chỉ số S&P 500 tăng 0,4% lên 4.697,53 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite tăng 0,2% lên 15.971,59 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



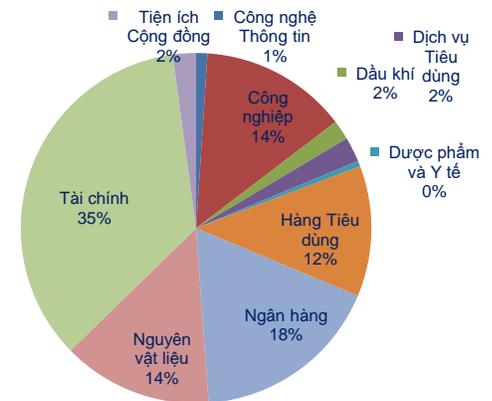
KLGD và HNX-Index trong phiên



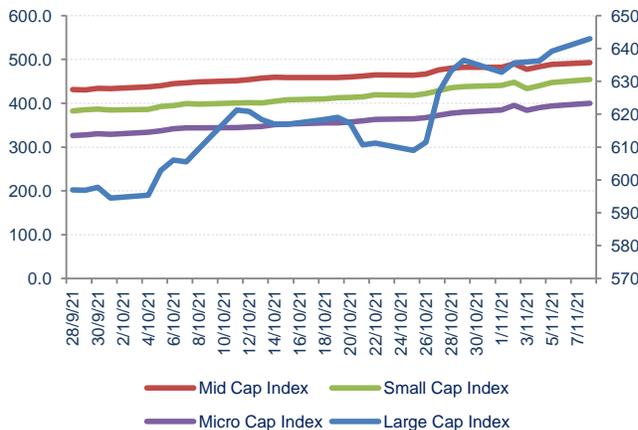
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



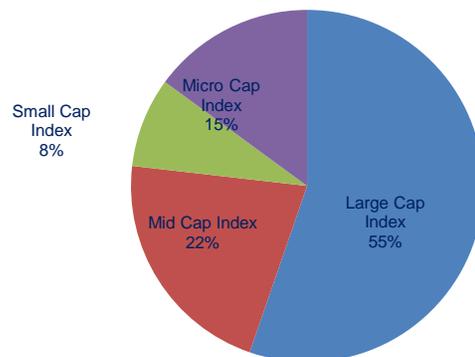
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	2,998,500	SSI	5,312,600
2	HPG	2,975,400	CMX	1,861,400
3	GEX	2,483,800	CII	841,600
4	CTG	1,950,200	HSG	691,600
5	DXG	1,676,700	IDI	634,800

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	APS	102,200	IVS	230,500
2	PSI	69,600	CEO	67,000
3	PVS	63,100	BCC	57,500
4	KLF	60,600	VIG	56,000
5	MBG	40,500	TNG	37,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	12.55	13.20	↑ 5.18%	44,349,400
ROS	6.13	6.55	↑ 6.85%	33,915,300
SSI	42.90	44.50	↑ 3.73%	32,620,700
GEX	32.20	34.45	↑ 6.99%	29,862,576
SHB	31.50	31.00	↓ -1.59%	24,158,700

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	5.40	5.80	↑ 7.41%	13,769,457
CEO	12.50	13.70	↑ 9.60%	13,383,489
SHS	43.20	44.00	↑ 1.85%	10,968,934
ART	10.70	11.30	↑ 5.61%	8,844,733
TVC	21.80	22.00	↑ 0.92%	8,813,200

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PTL	8.00	8.56	0.56	↑ 7.00%
NAV	20.00	21.40	1.40	↑ 7.00%
VGC	42.90	45.90	3.00	↑ 6.99%
ABS	24.30	26.00	1.70	↑ 7.00%
GEX	32.20	34.45	2.25	↑ 6.99%

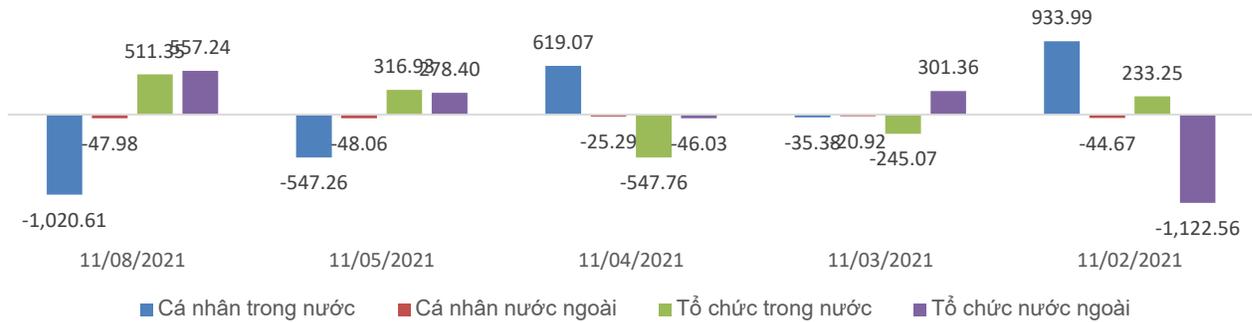
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VC6	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
PSE	23.10	25.40	2.30	↑ 9.96%
VXB	21.10	23.20	2.10	↑ 9.95%
SDA	40.20	44.20	4.00	↑ 9.95%
CMC	10.10	11.10	1.00	↑ 9.90%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DXV	8.24	7.67	-0.57	↓ -6.92%
HU3	10.20	9.51	-0.69	↓ -6.76%
MCP	27.00	25.25	-1.75	↓ -6.48%
CCI	24.90	23.40	-1.50	↓ -6.02%
VFG	53.00	50.10	-2.90	↓ -5.47%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DP3	116.10	105.10	-11.00	↓ -9.47%
QHD	37.10	33.70	-3.40	↓ -9.16%
AMC	25.80	23.50	-2.30	↓ -8.91%
BDB	14.70	13.40	-1.30	↓ -8.84%
SD2	15.80	14.50	-1.30	↓ -8.23%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	222.64	16.5%	2,084	20.6	3.4
DGC	144.00	25.0%	6,239	22.7	5.2
VGC	74.34	12.6%	1,989	17.2	2.2
PAN	68.17	3.6%	1,049	27.8	1.0
REE	65.60	13.9%	5,808	11.5	1.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	-301.24	10.6%	1,930	12.7	1.1
HPG	-228.54	39.5%	5,614	9.2	3.1
VNM	-158.96	31.9%	5,109	16.9	5.3
VHM	-154.75	36.9%	7,785	10.4	3.6
TCB	-102.28	21.0%	4,614	10.8	2.1

Top Mua ròng Cá nhân Nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	5.27	34.3%	5,681	9.6	2.9
CTG	4.62	18.5%	3,414	9.3	1.6
HVN	2.42	-494.0%	(8,908)	-	-
DLG	2.05	-22.4%	(1,948)	-	0.4
HBC	1.91	3.2%	583	26.1	0.8

Top Bán ròng Cá nhân Nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-8.29	4.5%	1,600	54.3	2.3
SAB	-5.27	22.3%	7,451	21.6	4.7
HPG	-4.67	39.5%	5,614	9.2	3.1
DXG	-4.45	8.7%	1,487	12.9	0.9
IDI	-4.16	3.4%	447	16.1	0.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	215.85	10.6%	1,930	12.7	1.1
TCB	102.28	21.0%	4,614	10.8	2.1
ACB	88.47	26.4%	3,588	8.8	2.1
VNM	76.04	31.9%	5,109	16.9	5.3
MWG	69.53	27.0%	6,357	19.3	4.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-127.35	25.0%	6,239	22.7	5.2
VGC	-73.51	12.6%	1,989	17.2	2.2
REE	-65.60	13.9%	5,808	11.5	1.3
PAN	-60.86	3.6%	1,049	27.8	1.0
EIB	-57.71	6.3%	874	29.8	1.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	173.47	39.5%	5,614	9.2	3.1
VHM	129.25	36.9%	7,785	10.4	3.6
VNM	86.31	31.9%	5,109	16.9	5.3
GEX	86.11	10.6%	1,930	12.7	1.1
STB	83.22	11.8%	1,910	14.0	1.7

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-230.61	16.5%	2,084	20.6	3.4
CMX	-36.43	9.0%	1,545	9.0	0.9
HSG	-32.05	48.3%	7,823	6.0	2.3
NLG	-29.65	13.2%	3,817	11.4	1.3
PDR	-23.94	23.6%	2,966	27.0	5.5



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	44,349,400	13.1%	1,967	6.4	0.9
ROS	33,915,300	3250.0%	324	18.9	0.6
SSI	32,620,700	16.5%	2,048	21.0	2.5
GEX	29,862,576	8.6%	1,978	16.3	1.3
SHB	24,158,700	17.8%	2,427	13.0	2.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	13,769,457	0.1%	6	888.6	0.5
CEO	13,383,489	-4.7%	(606)	-	1.0
SHS	10,968,934	25.5%	3,154	13.7	2.1
ART	8,844,733	0.3%	32	338.5	0.9
TVC	8,813,200	28.3%	5,856	3.7	1.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PTL	↑ 7.0%	2.5%	184	43.5	1.1
NAV	↑ 7.0%	20.2%	2,783	7.2	1.4
VGC	↑ 7.0%	12.5%	2,010	21.3	2.6
ABS	↑ 7.0%	6.5%	759	32.0	2.1
GEX	↑ 7.0%	8.6%	1,978	16.3	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VC6	↑ 10.0%	4.4%	598	16.7	0.7
PSE	↑ 10.0%	18.0%	2,401	9.6	1.6
VXB	↑ 10.0%	-13.8%	(979)	-	3.6
SDA	↑ 10.0%	3.3%	243	165.2	5.4
CMC	↑ 9.9%	4.0%	525	19.2	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	2,998,500	11.1%	1,864	14.8	1.6
HPG	2,975,400	44.7%	7,085	8.0	3.0
GEX	2,483,800	8.6%	1,978	16.3	1.3
CTG	1,950,200	18.1%	3,439	9.5	1.6
DXG	1,676,700	7.5%	1,406	17.2	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
APS	102,200	22.8%	1,848	23.9	3.9
PSI	69,600	2.9%	300	55.6	1.6
PVS	63,100	4.6%	1,238	23.1	1.0
KLF	60,600	0.1%	6	888.6	0.5
MBG	40,500	4.0%	422	32.2	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	361,616	20.4%	5,696	17.1	3.3
VIC	361,495	2.9%	1,111	85.5	2.2
VHM	357,058	38.3%	8,968	9.1	3.0
HPG	253,167	44.7%	7,085	8.0	3.0
GAS	234,267	16.9%	4,384	27.9	4.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	82,425	25.2%	4,694	50.2	14.3
IDC	26,010	11.8%	1,805	48.0	5.5
KSF	21,630	8.8%	776	92.9	3.6
VCS	19,920	41.5%	11,163	11.2	4.2
BAB	17,247	8.6%	979	23.4	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	2.53	22.7%	3,585	19.9	4.1
VOS	2.41	54.5%	2,573	8.9	3.5
DRH	2.30	2.8%	395	57.5	1.6
IJC	2.12	23.5%	3,643	9.4	2.3
ANV	2.01	6.7%	1,265	30.0	2.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L18	2.51	4.5%	683	90.2	4.4
VHE	2.48	0.3%	39	239.8	0.9
APS	2.21	22.8%	1,848	23.9	3.9
SGC	2.16	16.9%	3,114	24.8	3.9
VDL	1.99	3.0%	416	50.7	1.5



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
